TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH** Bản án số: 26/2023/DS-ST Ngày 30 - 5 - 2023 V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thanh Vy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quang Phước

Ông Lại Văn Phê

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên toà: ông Nguyễn Văn Thướng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 228/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2022 về việc: "Tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2023/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Anh Trần Quốc Đ**, sinh năm 1984;

Cư trú tại: Khu phố C, phường G, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt);

Bị đơn: Bà **Trần Thị T**, sinh ngày 28/8/1963;

Cư trú tại: Khu phố P, phường G, T, tỉnh Tây Ninh; (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Trần Quốc Đ trình bày:

Anh và bà Trần Thị T quen biết nhau nên anh có tham gia các dây hụi cho bà T làm chủ thảo hụi, cụ thể như sau:

Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, mượn thảo vào tháng 9/2019; khui ngày 05 hàng tháng, khui lần đầu ngày 05/10/2019, hụi gồm 31 phần, anh tham gia 01 phần, đóng hụi sống được 07 lần đến ngày 10/4/2020 thì ngưng do bà T bể hụi. Tính theo hụi chết 07 lần thì bà T thiếu anh 14.000.000 đồng.

Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, mượn thảo vào tháng 7/2018, khui ngày 10 hàng tháng, khui lần đầu vào ngày 10/8/2018, hụi gồm 36 phần, anh tham gia 01 phần, đóng hụi được 21 lần đến ngày 10/4/2020 thì ngưng do bà T bể hụi. Tính theo hụi chết 21 lần thì bà T thiếu anh 21.000.000 đồng.

Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, mượn thảo vào tháng 7/2018, khui ngày 10 hàng tháng, khui lần đầu vào ngày 10/8/2018, Hụi gồm 30 phần, anh tham gia 02 phần: 01 phần đã hốt còn đóng hụi chết 11 phần, 01 phần hụi sống đã đóng được 21 lần, đến ngày 10/4/2020 thì ngưng do bà T bể hụi. Tính theo hụi chết 21 lần phần hụi anh còn sống thì bà T thiếu anh 21.000.000 đồng, trừ 11.000.000 đồng hụi chết phần anh đã hốt, bà T còn thiếu anh 10.000.000 đồng.

Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, mượn thảo vào tháng 11/2017, khui ngày 15 hàng tháng, khui lần đầu vào ngày 15/12/2017, hụi gồm 28 phần, anh tham gia 02 phần: đóng hụi sống được 28 lần của 02 phần hụi, đến ngày ngày 10/4/2020 thì ngưng do bà T bể hụi. Tính theo tiền hụi chết 28 lần anh đã đóng, bà T thiếu anh 112.000.000 đồng.

Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, mượn thảo vào tháng 01/2018, khui ngày 25 hàng tháng, khui lần đầu vào ngày 25/02/2018, hụi gồm 36 phần, anh tham gia 02 phần, đóng hụi được 26 lần đến ngày ngày 10/4/2020 thì ngưng do bà T bể hụi. Tính theo tiền hụi chết của 26 lần của 02 phần hụi, bà T còn thiếu anh 52.000.000 đồng.

Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, mượn thảo vào tháng 03/2019, hụi khui ngày 30 hàng tháng, hụi gồm 26 phần, anh tham gia 01 phần, đóng được 13 lần đến ngày 10/4/2020 thì ngưng do bà T bể hụi. Tính theo tiền hụi chết của 13 lần lần thì bà T còn thiếu anh 26.000.000 đồng.

Tổng số tiền hụi bà T còn thiếu anh là 235.000.000 đồng. Bà T có trả cho anh được số tiền 12.630.000 đồng, còn nợ 222.370.000 đồng.

Ngày 19/3/2020 anh có ký hợp đồng thế chấp – cho vay cá nhân với bà T với nội dung anh cho bà T vay số tiền 712.000.000 đồng, bà T sẽ thế chấp phần đất diện tích 417m^2, thuộc thửa số 42, tờ bản đồ số 20, toạ lạc tại khu phố P, phường G, T, tỉnh Tây Ninh, thời hạn vay từ ngày 19/3/2020 đến ngày 19/9/2021, lãi suất thỏa thuận 1%/tháng. Anh đã giao cho bà T số tiền 320.000.000 đồng. Khi ký hợp đồng thế chấp - cho vay, anh có giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính. Từ khi vay đến nay bà T chưa trả cho anh được khoản tiền nào.

Ngày 13/4/2023, anh có đơn xin rút đơn khởi kiện với nội dung rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hụi 222.370.000 đồng và thay đổi yêu cầu khởi kiện đối

với số tiền nợ vay, chỉ yêu cầu bà T trả số tiền vay 320.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi. Anh đồng ý trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính số AC 758806, số vào sổ H00606 do Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bàng (nay là T) cấp cho hộ bà Trần Thị T ngày 15/11/2005.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/4/2023 bà Trần Thị T trình bày: Đối với số tiền nợ hụi, các sổ hụi bà đã nộp cho cơ quan Công an nên không nhớ rõ, bà sẽ tính lại tiền nợ hụi cụ thể là bao nhiêu bà sẽ trả bấy nhiêu.

Đối với số tiền vay, bà thừa nhận có ký tên và lăn tay trong hợp đồng thế chấp – cho vay cá nhân", bà xác nhận anh Đ chỉ giao cho bà số tiền 320.000.000 đồng, bà đồng ý trả số tiền 320.000.000 đồng, không đồng ý trả tiền lãi.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

-Về nội dung: Căn cứ các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Quốc Đ về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bà Trần Thị T. Buộc bà T có nghĩa vụ trả cho anh Đ số tiền 320.000.000 đồng.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Trần Quốc Đ về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi đối với bà Trần Thị T số tiền 222.370.000 đồng.

- Về án phí: bà Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Bà Trần Thị T và anh Trần Quốc Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụg dân sự xét xử vắng mặt bà Trần Thị T, anh Trần Quốc Đ.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Trần Quốc Đ thì thấy rằng:

[2.1] Đối với số tiền nợ hụi: Theo đơn khởi kiện ngày 08/9/2022, anh Đ khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền nợ hụi 222.370.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi. Tuy nhiên, đến ngày 13/4/2023, anh có đơn xin rút đơn khởi kiện với nội dung rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hụi 222.370.000 đồng. Do đó, căn cứ vào Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của anh Đ về việc yêu cầu bà T trả số tiền nợ hụi 222.370.000 đồng.

[2.2] Đối với số tiền vay: Bà T và anh Đ trình bày thống nhất bà T có ký tên và lăn vay vào hợp đồng thế chấp – cho vay cá nhân ngày 19/3/2020. Anh Đ có giao cho bà T số tiền 320.000.000 đồng và giữ Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Trần Thị T. Ngày 10/4/2023, bà T xác nhận anh Đ có cho bà vay số tiền 320.000.000 đồng, bà đồng ý trả cho anh Đ số tiền 320.000.000 đồng, không đồng ý trả tiền lãi. Quá trình giải quyết vụ án, anh Đ thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà T trả số tiền 320.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của anh Đ không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ, buộc bà T trả số tiền 320.000.000 đồng là đúng quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015.

Anh Đ có nghĩa vụ trả lại cho bà T bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 758806, số vào sổ H00606 do Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bàng (nay là T) cấp cho hộ bà Trần Thị T ngày 15/11/2005.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 16.000.000 đồng theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Anh Trần Quốc Đ không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Khoảng 1, 2 Điều 244, Điều 235, Điều 264 và Điều 267 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466, 470, 471 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Trần Quốc Đ về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" đối với bà Trần Thị T.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Quốc Đ về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bà Trần Thị T.

Buộc bà Trần Thị T có nghĩa vụ trả cho anh Trần Quốc Đ số tiền 320.000.000 đồng. Ghi nhận anh Đ không yêu cầu tính tiền lãi.

Anh Trần Quốc Đ có nghĩa vụ trả lại cho bà T bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 758806, số vào sổ H00606 do Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bàng (nay là T) cấp cho hộ bà Trần Thị T ngày 15/11/2005.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Anh Trần Quốc Đ không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho anh Đ 16.101.000 (Mười sáu triệu một trăm lẻ một nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0026941 ngày 01/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng.

Bà Trần Thị T phải chịu 16.000.000 (Mười sáu triệu) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Đương sự;
- Lưu: VT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Võ Thanh Vy